|  |  |
| --- | --- |
| **TỈNH ỦY HẬU GIANG**  **\***  Số -BC/TU  *Dự thảo* | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  *Hậu Giang, ngày tháng năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**Sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 04**-**NQ/TU**

**ngày 26/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển**

**công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang,**

**giai đoạn 2021** - **2025 và các năm tiếp theo**

**-----**

Qua 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo *(gọi tắt là Nghị quyết số 04-NQ/TU)*, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang báo cáo kết quả thực hiện như sau:

**I. Bối cảnh thực hiện**

Nghị quyết số 04-NQ/TU được triển khai thực hiện trong bối cảnh tình hình chính trị, kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục ổn định, kinh tế tăng trưởng, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo. Tuy nhiên, bối cảnh thế giới, đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến khó lường đã tác động đến hầu hết các ngành, các lĩnh vực và đời sống nhân dân; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Trong tỉnh, ngoài sự tác động của tình hình chung, còn đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như: Quy mô kinh tế nhỏ; năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, thu ngân sách trên địa bàn thấp; hạ tầng chiến lược thiếu, chưa đồng bộ; nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Mặc dù còn một số tồn tại, hạn chế nhất định nhưng nhiều thời cơ, tiềm năng mới xuất hiện, đặc biệt là Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nguồn lực của Trung ương tập trung phát triển hạ tầng chiến lược vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có 02 tuyến cao tốc: tuyến Cần Thơ - Cà Mau và tuyến Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng qua địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 556/QĐ-TTg ngày 22/6/2024. Bên cạnh đó, với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh chuyển biến tích cực, phát triển đúng hướng trên các lĩnh vực.

Xuất phát từ thuận lợi, khó khăn, thách thức nêu trên, việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU với mục tiêu xây dựng công nghiệp hiện đại, nông nghiệp sinh thái, đô thị thông minh, du lịch chất lượng, được xác định là khâu đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội, gia tăng nguồn thu ngân sách địa phương và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

**II. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 04**-**NQ/TU**

Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, các cơ quan, đơn vị cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch thực hiện. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 22/12/2021 về việc thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU (gọi tắt là Kế hoạch số 213/KH-UBND). Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố quán triệt, triển khai thực hiện và ban hành các Chương trình, Kế hoạch thực hiện, cụ thể:

1. Sở Công Thương ban hành Chương trình số 02/CTr-SCT ngày 29/3/2022 về phát triển cụm công nghiệp tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 theo Kế hoạch số 213/KH-UBND và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Công văn số 415/UBND-NCTH ngày 31/3/2022. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh đã xây dựng và ban hành Chương trình số 03/CTr-BQL ngày 08/04/2022 về phát triển khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 theo Kế hoạch 213/KH-UBND và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Công văn số 486/UBND-NCTH ngày 15/04/2022.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Chương trình số 01/CTr-SNNPTNT ngày 18/03/2022 về phát triển nông nghiệp tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 theo Kế hoạch số 213/KH-UBND và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Công văn số 391/UBND-NCTH ngày 28/3/2023.
3. Sở Xây dựng ban hành Chương trình số 01/CTr-SXD ngày 11/3/2022 về triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phát triển Đô thị tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 theo Kế hoạch số 213/KH-UBND và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Công văn số 416/UBND-NCTH ngày 31/3/2023.
4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Chương trình số 02/CTr-SVHTTDL ngày 06/4/2022 về triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển du lịch theo Kế hoạch số 213/KH-UBND và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Công văn số 455/UBND-NCTH ngày 08/4/2022.
5. UBND huyện, thị xã, thành phố đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình của Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU và Kế hoạch số 213/KH-UBND.
6. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp Báo Hậu Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 04-NQ/TU và Kế hoạch số 213/KH-UBND.

**III. Kết quả thực hiện**

**1. Về phát triển công nghiệp**

**1.1. Công tác quy hoạch**

UBND tỉnh đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung 02 khu công nghiệp (KCN): KCN Sông Hậu 2 diện tích 380 ha và KCN Đông Phú 2 diện tích 234 ha vào quy hoạch phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Hậu Giang vào quy hoạch phát triển các KCN ở Việt Nam tại Công văn số 329/TTg-CN ngày 28/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1588/QĐ-TTg) và Quyết định số 556/QĐ-TTg ngày 22/6/2024 ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 556/QĐ-TTg); thành lập mới 07 KCN với diện tích 1.741 ha; thành lập mới 05 cụm công nghiệp, với diện tích 230 ha; mở rộng 03 Cụm công nghiệp, diện tích 52,5ha và xóa 03 cụm công nghiệp, diện tích 300 ha.

**1.2. Phát triển khu công nghiệp**

Trên cơ sở quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, có 02 nhà đầu tư nộp hồ sơ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Sông Hậu 2 và KCN Đông Phú 2; rà soát thủ tục thành lập, lựa chọn nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Tân Hòa, diện tích 205 ha.

Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với đất công nghiệp: Chỉ đạo Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh phối hợp với đơn vị liên quan tập trung đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, diện tích đất còn lại của KCN Tân Phú Thạnh và KCN Sông Hậu; khu tái định cư Đông Phú phục vụ khu công nghiệp Sông Hậu, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A - giai đoạn 3, nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 2**[[[1]](#footnote-1)]**.

Đầu tư các khu tái định cư phục vụ công tác thu hồi đất KCN theo Quy hoạch tỉnh được duyệt:

- Dự án Khu tái định cư Đông Phú phục vụ KCN Sông Hậu diện tích 12,545 ha,bố trí khoảng 540 nền tái định cư, vốn bố trí năm 2024 là 45,3 tỷ đồng.

- Dự án Khu tái định cư Đông Phú 2, diện tích 13,91 ha, bố trí khoảng 588 nền tái định cư, vốn bố trí năm 2024 là 285,659 tỷ đồng.

- Dự án Khu tái định cư Đông Phú 3, diện tích 16,5 ha, bố trí khoảng 723 nền tái định cư, vốn bố trí năm 2024 là 361 tỷ đồng.

- Dự án Khu tái định cư Tân Hòa, diện tích 10 ha, bố trí khoảng 507 nền tái định cư, vốn bố trí năm 2024 là 83 tỷ đồng.

- Dự án Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh, diện tích khoảng 4 ha, bố trí khoảng 200 nền tái định cư, vốn bố trí năm 2024 là 84 tỷ đồng.

- Dự án Khu tái định cư Mái Dầm, diện tích khoảng 20 ha, bố trí khoảng 1.025 nền tái định cư, vốn bố trí năm 2024 là 827,745 tỷ đồng.

Đầu tư hạ tầng giao thông kết nối phát triển công nghiệp:

- Triển khai Dự án đường bộ cao tốc Cần Thơ - Cà Mau và Dự án đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng góp phần tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo Nghị quyết số 04-NQ/TU. Hiện tại, Bộ Giao thông vận tải đang đề xuất đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu đi qua địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải đầu tư nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1 (đoạn từ thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng); dự án nâng cấp cải tạo Quốc lộ 61B đoạn từ ngã ba Vĩnh Tường đến thị xã Long Mỹ. Đến nay cả 02 dự án đều hoàn thành và đưa vào khai thác, tạo động lực để phát triển kinh tế - xã hội cho địa phương.

- Đầu tư mới và nâng cấp mở rộng hệ thống đường tỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, nông nghiệp đô thị, du lịch và dịch vụ logistics như: Đường tỉnh 925B, Đường tỉnh 926B, Đường tỉnh 927, Đường tỉnh 929, Đường tỉnh 931. Trong thời gian tới, Tỉnh sẽ đầu tư các dự án liên kết vùng, kết nối cao tốc như: Dự án Nâng cấp mở rộng tuyến nối CầnThơ - Hậu Giang (Quốc lộ 61C), Dự án nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 926 kết nối với cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Dự án đầu tư xây dựng Đường tỉnh 926C, Dự án mở rộng Đường tỉnh 927C, Dự án mở rộng Đường tỉnh 929.

Kết quả thu hút đầu tư: Lũy kế đến nay, đã thu hút 76 doanh nghiệp thực hiện 79 dự án đầu tư (trong đó có 14 dự án đầu tư nước ngoài), với tổng vốn đầu tư trong nước 78.994 tỷ đồng và vốn đầu tư nước ngoài khoảng 3.851,6 triệu USD. Trong đó, có 54 dự án đang hoạt động và 25 dự án đang giải phóng mặt bằng.

**1.3. Phát triển cụm công nghiệp**

Sau 03 năm thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, tỉnh Hậu Giang phê duyệt quy hoạch chi tiết được 05 cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Tân Thành, diện tích 50 ha; Cụm công nghiệp Tân Phước Hưng, diện tích 50 ha; Cụm công nghiệp Phú Tân, diện tích 50 ha; Cụm công nghiệp Vĩnh Viễn, diện tích 30 ha; Cụm công nghiệp Vị Bình, diện tích 50 ha; tạo quỹ đất sạch phần mở rộng 11,5 ha Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thành phố Vị Thanh, 20 ha Cụm công nghiệp tiểu thủ công nghiệp thị xã Long Mỹ đang mời gọi đầu tư.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 07 cụm công nghiệp hoạt động với diện tích 486,55 ha, tỷ lệ lắp đầy 68,52%, thu hút được 50 dự án, với vốn đầu tư là 18.933 tỷ đồng và 390 triệu USD, giải quyết việc làm cho 8.807 lao động; giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 6,85 tỷ đồng/năm/ha.

**1.4. Tổng hợp kết quả phát triển lĩnh vực công nghiệp**

Qua 3 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, GRDP lĩnh vực công nghiệp tăng bình quân 29,45%/năm, đây là bước khởi sắc của công nghiệp (trong đó, năm 2022 tăng 42,73%). Trong cơ cấu kinh tế, tỷ trọng ngành công nghiệp năm 2021 là 19,81%, năm 2024 tăng lên 35,76%. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều dự án mới đi vào hoạt động[**[[2]](#footnote-2)**]. Tỷ lệ lắp đầy của 02 KCN trên 93%, giải quyết việc làm cho 23.895 lao động **(trong đó có khoảng 14.000 lao động địa phương)**. Hiện nay, 267 doanh nghiệp và trên 4.212 cơ sở cá thể sản xuất công nghiệp đang hoạt động sản xuất trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chủ động đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh. Đặc biệt, tỉnh đang ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến nông - thủy sản có lợi thế cạnh tranh và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ như: xay xát, chế biến thủy sản đông lạnh, sản xuất trái cây đóng hộp, chế biến trà mãng cầu, chế biến cá thát lát,… các sản phẩm này có khả năng xuất khẩu và giải quyết được nhiều việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Năng suất lao động khu vực công nghiệp tăng từ 160 triệu đồng/lao động năm 2021 lên 590 triệu đồng/lao động vào năm 2024.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) năm 2024 tăng 11,18% so với năm 2023. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng gần 90% trong toàn ngành và tăng 10,47% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 21,54% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,77% so với cùng kỳ.

**2. Về phát triển nông nghiệp**

**2.1. Kết quả xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp**

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 09/11/2022.

Thực hiện rà soát cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo mục tiêu phát triển nông nghiệp của tỉnh. Trong năm 2022, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành: Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 về việc thông qua Đề án Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 ban hành Quy định hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách trong phát triển nông nghiệp, nhất là các chính sách đã được HĐND tỉnh thông qua.

**2.2. Kết quả triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nông nghiệp**

Triển khai thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh quy định chính sách khuyến khích đầu tư; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Tỉnh đã hỗ trợ cho 02 công ty có dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp với tổng số tiền hỗ trợ sau đầu tư hơn 8 tỷ đồng.

Năm 2024, toàn tỉnh có 38 lượt doanh nghiệp, 64 hợp tác xã (HTX) liên kết sản xuất và bao tiêu nông sản với số hộ tham gia là 21.255 hộ, diện tích 22.774 ha, sản lượng 163.910 tấn. Trong đó, đối với cây lúa: số doanh nghiệp là 20 lượt doanh nghiệp, 45 HTX với số hộ tham gia 20.603 hộ, với diện tích là 22.137 ha và sản lượng 155.054 tấn; còn lại là cây ăn trái.

Triển khai Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp, nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tỉnh triển khai tập huấn và nhập dữ liệu 02 phần mềm của Ngành: Hệ thống thông tin chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phần mềm Bản đồ số hóa công trình thủy lợi, công trình nước sạch nông thôn.

UBND tỉnh đã phê duyệt kế hoạch đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 tháng cho các đối tượng lao động nông thôn thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia và đào tạo lao động tại doanh nghiệp năm 2023. Tổ chức 52 lớp đào tạo nghề cho 08 huyện, thị xã, thành phố theo Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2023. Năm 2024, tổ chức 09 lớp Bồi dưỡng cập nhật kiến thức quản lý và hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã cho cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã” gần 400 lượt người tham dự và 01 lớp Giám đốc HTX nông nghiệp với 30 học viên tham dự. Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề đạt 68,4%, tăng 5,1% so với năm 2021.

Hỗ trợ đầu tư xây dựng các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, nghề thủ công. Thí điểm xây dựng các cơ sở may gia công, đan đát tại khu vực có các HTX được đầu tư theo Đề án Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

**2.3. Kết quả triển khai Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, lĩnh vực nông nghiệp**

*2.3.1. Phát triển nguồn nhân lực*

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể (KTTT). Bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, thành viên hợp tác xã (HTX), kết hợp học tập các mô hình quản trị có hiệu quả. Tổ chức nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về các mô hình, dự án, cách làm hay và hiệu quả ở các địa phương trong và ngoài tỉnh để các tổ chức KTTT, HTX học hỏi, áp dụng làm theo[**[[3]](#footnote-3)**]. Triển khai thực hiện hỗ trợ 20 lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng trở lên với chuyên môn phù hợp về làm việc có thời hạn theo Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

*2.3.2. Chính sách tín dụng*

Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX tỉnh được bổ sung vốn 80 tỷ đồng theo Đề án phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, nâng tổng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng vào năm 2025. Đến nay, giải ngân cho 39 dự án của HTX, với tổng dư nợ 36,447 tỷ đồng. Ngoài ra, Tỉnh đang triển khai hỗ trợ 70% lãi suất vay từ Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX và Ngân hàng thương mại để đầu tư phát triển nông nghiệp.

Tiếp tục tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng giới thiệu các chính sách, sản phẩm tín dụng đặc thù đến người dân, doanh nghiệp thông qua các phương tiện truyền thông; các cuộc tiếp xúc cử tri, các buổi trả lời phỏng vấn cho báo, đài của Tỉnh; Hội nghị Kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp.

*2.3.3. Chính sách khoa học - công nghệ*

Tổ chức triển khai thực hiện 06 đề tài, dự án khoa học - công nghệ với tổng kinh phí thực hiện là 17,8 tỷ đồng. Trong đó, kinh phí hỗ trợ ngoài ngân sách nhà nước là 3,33 tỷ đồng. Thông qua các đề tài, dự án đã tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật, từng bước chuyển đổi nhận thức trong sản xuất theo hướng bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; giúp nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho người dân và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tổ chức triển khai hướng dẫn cho các HTX nông nghiệp ứng dụng khoa học - công nghệ, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi giá trị thông qua các lớp tập huấn, xây dựng mô hình. Qua 02 năm triển khai thực hiện, có 55 HTX nông nghiệp sản xuất theo theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGap (chanh không hạt, cam sành, xoài, khóm và dưa hấu...), ứng dụng tưới nước tiết kiệm có điều khiển bán tự động hoặc tự động; công nghệ canh tác trong nhà màng và có 60 HTX liên kết với các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, một số HTX tham gia cung cấp nông sản, các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao vào chuỗi phân phối bán lẻ, hệ thống siêu thị của khu vực và cả nước. Điển hình như HTX Trái cây sinh học OCOP, huyện Châu Thành: HTX đã tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn GlobalGap và được chứng nhận với diện tích 100 ha, HTX ký kết hợp đồng cung ứng sản phẩm cho các công ty trong và ngoài nước gồm: xuất khẩu trực tiếp sang Châu Âu, cung cấp sản phẩm cho hệ thống siêu thị Vinmart, CoopMart và nhiều đối tác khác, đã giúp nâng cao giá trị sản phẩm, mang lại lợi nhuận cao, ổn định cho HTX và các hộ thành viên.

Hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số: Hỗ trợ mua phần mềm kế toán, xây dựng mã QR và xây dựng trang Website của Liên hiệp hợp tác xã trái cây xuất khẩu MeKong.

*2.3.4. Chính sách hỗ trợ về thông tin kinh tế, kỹ năng tiếp thị và nghiên cứu thị trường*

Tổ chức hỗ trợ xây dựng bộ nhận diện HTX (HTX Kỳ Như, HTX Hậu Giang Xanh, HTX Trái cây sinh học OCOP); hỗ trợ các HTX xây dựng và chứng nhận sản phẩm OCOP (hỗ trợ HTX Nuôi lươn Thuận Phát với sản phẩm Lươn tẩm gia vị đạt 3 sao; hỗ trợ HTX Nông nghiệp Hiếu Lực với sản phẩm Gạo thơm Hương Quê đạt 4 sao và sản phẩm Gạo lứt tím than đạt 3 sao); hỗ trợ bao bì, nhãn mác sản phẩm; xây dựng nhãn hiệu, chứng nhận nhãn hiệu, chất lượng, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm của HTX; hỗ trợ cập nhật thông tin và giới thiệu sản phẩm của HTX lên Website KTTT, tham gia các sàn thương mại điện tử (postmart.vn, voso.vn), kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thêm các kênh phân phối mới, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản của Hậu Giang; hỗ trợ tham gia hội chợ và trưng bày, giới thiệu sản phẩm của HTX.

**2.4. Tổng hợp kết quả phát triển lĩnh vực nông nghiệp**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế khu vực nông, lâm, thủy sản bình quân đạt  
3,54%/năm giai đoạn 2021 - 2024, tỷ trọng khu vực I năm 2024 giảm còn 21,41%.

Xây dựng nông thôn mới: toàn tỉnh có số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới là 42/51 xã (đạt 82,35% tổng số xã), trong đó có 11 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, 05 xã nông thôn mới kiểu mẫu; có 03 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành/đạt chuẩn nông thôn mới. Số tiêu chí đạt bình quân toàn tỉnh là 18,2 tiêu chí/xã. Trên địa bàn tỉnh không còn xã đạt dưới 14 tiêu chí. Số xã đạt tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm là 44/51 xã, đạt 86,27%.

Số lượng sản phẩm đạt chuẩn theo bộ tiêu chí sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” - OCOP: Đến nay, Tỉnh công nhận 348 sản phẩm OCOP, trong đó: Có 113 sản phẩm 4 sao (chiếm 32,47%); có 235 sản phẩm 3 sao (chiếm 67,52%), với 160 chủ thể tham gia**[[[4]](#footnote-4)]**.

Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch 92,08% (Kế hoạch 91%), tăng 1,31% so với năm 2022 (90,77%), tăng 3,13% so với năm 2022 (88,95%) và tăng 9,08% so với năm 2021 (83%). Tỷ lệ che phủ rừng được giữ vững, đạt 3,1% (Kế hoạch 3,1%), tăng 0,1% so với năm 2021.

**3. Về phát triển đô thị**

**3.1. Công tác lập quy hoạch đô thị**

UBND tỉnh đã phê duyệt Đồ án quy hoạch chung đô thị Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040, Đồ án quy hoạch phân khu Đông Bắc đô thị Vị Thanh và vùng phụ cận tỉnh Hậu Giang, Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh về thực hiện xây dựng huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A đạt tiêu chí đô thị loại IV và thành lập thị xã, UBND tỉnh cho chủ trương lập đồ án “Quy hoạch chung đô thị Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đến năm 2045” và đồ án “Quy hoạch chung đô thị Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đến năm 2045”. Sau khi công nhận huyện huyện Châu Thành và huyện Châu Thành A đạt tiêu chí đô thị loại IV, sẽ tiến hành lập các đồ án quy hoạch phân khu các thị trấn để thành lập các Phường trực thuộc thị xã Châu Thành và Châu Thành A theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị.

**3.2. Kết quả phát triển đô thị**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 19 đô thị (01 đô thị loại II, 02 đô thị loại III, 16 đô thị loại V); tỷ lệ đô thị hóa ước đạt của năm 2024 là 31,23%, tăng 1,48% so với thời điểm ban hành Nghị quyết số 04/NQ-TU.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 21/02/2024 thành lập 03 thị trấn trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, UBND tỉnh đã trình Bộ Nội vụ xem xét, thẩm định 02 đề án thành lập thị trấn đối với thị trấn Đông Phú, huyện Châu Thành và thị trấn Tân Long, huyện Phụng Hiệp; đối với Đề án thành lập thị trấn Xà Phiên thuộc huyện Long Mỹ, UBND tỉnh đã điều chỉnh thời gian thực hiện sang năm 2025 - 2026 (Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh).

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch được chú trọng. Những kết quả đạt được làm cơ sở để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các dự án đầu tư, chỉnh trang và phát triển đô thị, quản lý trật tự xây dựng, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, góp phần tích cực vào thành quả phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chất lượng các đồ án quy hoạch trên địa bàn tỉnh được tổ chức lập đảm bảo về trình tự, thủ tục trước khi được cấp có thảm quyền phê duyệt. Công tác phát triển đô thị tiếp tục thực hiện đạt kế hoạch đề ra.

Qua 03 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, UBND tỉnh phê duyệt 02 đồ án quy hoạch chung đô thị**[[[5]](#footnote-5)]**, 02 đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện**[[[6]](#footnote-6)]**, 01 đồ án quy hoạch phân khu đô thị**[[[7]](#footnote-7)]**, 11 đồ án Quy hoạch chung xã nông thôn mới, 37 đồ án quy hoạch chi tiết, tổng mặt bằng; với tổng quy mô diện tích khoảng 50.324 ha để phục vụ công tác quản lý, kêu gọi đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị - nông thôn.

**3.3. Kết quả thu hút đầu tư phát triển đô thị**

Thực hiện Chương trình phát triển đô thị, phát triển nhà ở của tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030:

- Dự án nhà ở thương mại: Trong giai đoạn từ 2021 - 2024, UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với 19 dự án được tổ chức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư, với tổng diện tích 170,82 ha, tổng mức đầu tư hơn 5.300 tỷ đồng.

- Dự án nhà ở xã hội: Các dự án nhà ở xã hội đang triển khai gồm 06 dự án (Dự án nhà ở xã hội Thiên Lộc; Dự án nhà ở xã hội thấp tầng liền kề tại Phường V, thành phố Vị Thanh; Dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân vận hành Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1; Dự án Nhà ở cho người có thu nhập thấp tại phường Thuận An, thị xã Long Mỹ; Dự án Nhà ở cho chuyên gia và công nhân của Công ty TNHH Giấy Lee&Man; Dự án Khu nhà ở xã hội tại ấp Mái Dầm, xã Đại Thành, thành phố Ngã Bảy). Ngoài ra, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 20/11/2023 về việc triển khai đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Dự kiến đến năm 2025 hoàn thành khoảng 110 căn và đến năm 2030 là 1.572 căn.

Việc kêu gọi đầu tư các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh góp phần xây dựng đồng bộ về kết cấu hạ tầng tại các đô thị trên địa bàn tỉnh trong điều kiện nguồn vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội từ nguồn vốn đầu tư công còn hạn chế. Bên cạnh đó, Tỉnh ưu tiên nguồn vốn để đầu tư phát triển các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh để tăng tính kết nối giữa các địa phương, ưu tiên tập trung công tác giải phóng mặt bằng các dự án giao thông trọng điểm, các dự án thu hút đầu tư tại Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1 và Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1 để tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh Hậu Giang trong thời gian tới.

**4. Về phát triển du lịch**

**4.1. Kết quả xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực du lịch**

HĐND tỉnh ban hànhNghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND về quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2024; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 12/10/2022phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 14/9/2023 thực hiện quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2020 - 2024*.*

Các sở, ngành và UBND huyện, thị xã và thành phố thường xuyên tư vấn, hỗ trợ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân về điều kiện, thủ tục, quy định hưởng chính sách theo Nghị quyết; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hậu Giang cùng các địa phương để trao đổi về cách thức triển khai nội dung hỗ trợ lãi suất cho vay để đầu tư phát triển du lịch**[[[8]](#footnote-8)]**. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hậu Giang yêu cầu các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh cấp tín dụng hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**[[[9]](#footnote-9)]***.*

**4.2. Kết quả triển khai thực hiện các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển du lịch**

Đến nay, Hội đồng xét chọn đối tượng được hưởng chính sách giải quyết hưởng chính sách phát triển du lịch cộng đồng cho 02 hộ kinh doanh với tổng số tiền hỗ trợ từ Nghị quyết là 79.368.504 đồng.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động liên kết, hợp tác phát triển du lịch theo nội dung kế hoạch đã được phê duyệt**[[[10]](#footnote-10)]**; tham gia các sự kiện du lịch do các địa phương tổ chức**[[[11]](#footnote-11)]**; các nội dung hợp tác phát triển du lịch của Cụm hợp tác, liên kết phát triển du lịch phía Tây vùng ĐBSCL**[[[12]](#footnote-12)]**; Chương trình hợp tác với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Cần Thơ**[[[13]](#footnote-13)]**; các nội dung theo Kế hoạch triển khai Chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành ĐBSCL**[[[14]](#footnote-14)]**; Chương trình hợp tácphát triển Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2022 - 2025 với tỉnh Kiên Giang**[[[15]](#footnote-15)]**.

Để đảm bảo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch, Tỉnh đã tổ chức các lớp bồi dưỡng về du lịch. Năm 2022, Tỉnh đã tổ chức 05 lớp bồi dưỡng du lịch như: thuyết minh viên du lịch, với 40 học viên; kỹ năng xây dựng sản phẩm du lịch và truyền thông quảng bá du lịch, với 50 học viên;ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch, với 40 học viên; kỹ năng giao tiếp, ứng xử với khách du lịch, với 80 học viên; lớp tập huấn nghiệp vụ du lịch cơ sở, với 80 học viên. Năm 2023, tổ chức lớp bồi dưỡng kỹ năng xây dựng thương hiệu du lịch và sản phẩm du lịch cộng đồng với 50 học viên; lớp Bồi dưỡng kỹ năng quảng bá, kỹ năng sale OTA, với 40 học viên; 02 lớp bồi dưỡng Kiến thức du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp tại thành phố Vị Thanh và huyện Vị Thủy, 03 lớp tập huấn do huyện Châu Thành A tổ chức đã góp phần trang bị kiến thức về du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp cho đội ngũ cán bộ các xã, thị trấn, các trưởng ấp, các hộ dân tham gia làm du lịch cộng đồng. Năm 2024, tổ chức 10 lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch với hơn 350 học viên tham gia.

**4.3. Kết quả thu hút đầu tư; xây dựng sản phẩm du lịch**

Việc đầu tư các dự án phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh có bước khởi sắc, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo, đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, điểm du lịch làm thay đổi diện mạo du lịch tỉnh nhà, góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch trong và ngoài nước, đóng góp tích cực cho sự phát triển của du lịch nói riêng và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong tỉnh.

Tỉnh đã mời gọi và triển khai 05 dự án đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn; trong đó, có 01 dự án hoàn thành (khách sạn Sojo Hậu Giang, quy mô 114 phòng, với tổng mức đầu tư là 192,5 tỷ đồng), 03 dự án đang thi công (dự án Khu du lịch sinh thái Việt Úc - Hậu Giang với quy mô hơn 140 ha; dự án Khách sạn DIC Star Hậu Giang, quy mô 1,3ha; Dự án Khu đô thị May Luxury House (Trung tâm thương mại, rạp chiếu phim, nhà hàng, khách sạn 4 sao); 01 dự án ngừng thi công (Chợ du lịch Xà No và Tổ hợp khách sạn 4 sao).

Bên cạnh các dự án có quy mô đầu tư lớn, một số điểm được đưa vào khai thác phục vụ khách đã góp phần tạo thêm sự đa dạng về sản phẩm du lịch của tỉnh, điển hình như: Trại sữa dê Ngọc Đào, homestay Mương Đình, vườn tre Tư Sang, vườn Măng cụt 100 năm tuổi, khu Văn hóa Đa năng Hưng Đạo, homestay Ngọc Thành, vườn sinh thái Nhà Tui, điểm tham quan Sen Cá, các vườn trái cây...

Các thành phần kinh tế tham gia vào các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch tăng về số lượng, nâng dần về chất lượng, tạo nhiều việc làm cho người lao động ở địa phương.

**4.4. Tổng hợp kết quả phát triển lĩnh vực du lịch**

Năm 2022, đón 390.000 lượt khách tham quan du lịch, tăng 166% so với cùng kỳ, trong đó: khách quốc tế là 11.000 lượt (tăng 100% so với cùng kỳ), khách nội địa là 379.000 lượt (tăng 159% so với cùng kỳ). Tổng doanh thu du lịch đạt 178 tỷ đồng (tăng 187% so với cùng kỳ).

Năm 2023, đón 519.860 lượt khách tham quan du lịch, tăng 133,29% so với cùng kỳ, trong đó: khách quốc tế là 25.320 lượt (tăng 230,1% so với cùng kỳ), khách nội địa là 494.540 lượt (tăng 130,48% so với cùng kỳ). Tổng doanh thu du lịch đạt 236 tỷ đồng (tăng 132,5% so với cùng kỳ).

Năm 2024, ước đón 583.000 lượt khách tham quan du lịch, tăng 12,15% so với cùng kỳ, trong đó: khách quốc tế là 33.000 lượt (tăng 30,3% so với cùng kỳ). Tổng doanh thu du lịch được 264 tỷ đồng (tăng 11,9% so với cùng kỳ).

**III. Đánh giá chung**

**1. Mặt được**

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU đúng mục đích, yêu cầu đề ra và đạt được những kết quả tích cực, cụ thể:

(1) Các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, phương án, biện pháp chi tiết để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

(2) Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 04-NQ/TU, Kế hoạch số 213/KH-UBND đến các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân qua đó góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện.

(3) Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU đạt kết quả tích cực, tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang năm 2022, 2023 và 2024 đạt kết quả tích cực, thực hiện đạt và vượt 18/18 chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

- Kinh tế được phục hồi và đạt mức tăng trưởng cao, trong đó công nghiệp tăng trưởng đột phá.

- Nông nghiệp vẫn là một trong trụ cột quan trọng của tỉnh, tăng trưởng hàng năm trên 3,5%.

- Lĩnh vực đô thị tiếp tục phát triển góp phần cải thiện cảnh quan, môi trường.

**-** Hoạt động du lịch phục hồi, khởi sắc sau ảnh hưởng của dịch bệnh.

- Hội nghị Xúc tiến đầu tư năm 2022 được tổ chức thành công, tạo ra nhiều tiền đề, cơ hội trong thu hút đầu tư của tỉnh.

- Thu ngân sách nhà nước, đặc biệt là nguồn thu trên địa bàn đạt cao so với dự toán; số lượng doanh nghiệp phát triển nhanh, vượt kế hoạch, môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện.

- Tỉnh đã triển khai có hiệu quả và kịp thời các giải pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19 theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Y tế. Công tác tiêm vắc xin phòng COVID-19 đảm bảo tiến độ theo quy định của Bộ Y tế. Công tác phòng chống dịch COVID-19 linh hoạt, sáng tạo, quyết liệt, chặt chẽ, hiệu quả, là Tỉnh có số ca F0, ca chuyển nặng, tử vong thấp nhất khu vực ĐBSCL và nằm trong nhóm các tỉnh kiểm soát dịch COVID-19 tốt của cả nước.

**\* Nguyên nhân ưu điểm**

- Hệ thống chính trị triển khai thực hiện sáng tạo, quyết tâm, khát vọng đưa tỉnh Hậu Giang phát triển vượt trội so với các tỉnh, thành trong khu vực. Kịp thời đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của Tỉnh, trên cơ sở đó đề ra định hướng, mục tiêu, tầm nhìn, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp; ban hành các chương trình, nghị quyết, đề án, kế hoạch có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp tình hình thực tế của Tỉnh để cả hệ thống chính trị vào cuộc một cách đồng bộ, thống nhất, quyết tâm cao.

- Tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo chính sách hỗ trợ triển khai thực hiện. Một số vùng sản xuất và nông sản chủ lực của tỉnh từng bước chuyển đổi sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao và phát triển bền vững. Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất phát huy hiệu quả.

**2. Hạn chế, khó khăn**

Bên cạnh những mặt đạt được, trong công tác triển khai Nghị quyết số 04-NQ/TU còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Nguồn lực phân bổ tạo quỹ đất sạch các CCN gặp khó khăn nên công tác kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp còn hạn chế.

- Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch chậm; sức cạnh tranh một số sản phẩm còn thấp. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hóa chưa đáp ứng quá trình chuyển dịch sản xuất. Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất còn hạn chế, liên kết đầu tư - sản xuất - tiêu thụ chưa chặt chẽ.

- Việc thu hút, mời gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn khó khăn, nông dân và doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư công nghệ, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ cao do vùng nguyên liệu còn đan xen, khó thực hiện cơ giới hóa.

- Kinh tế hợp tác vẫn còn hạn chế trong khâu quản lý, chưa xây dựng được phương án phát triển sản xuất - kinh doanh để thu hút thành viên nên chưa thể hiện vai trò dẫn dắt trong thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Thực hiện giải ngân vốn Chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm, các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn, hạ tầng nông thôn chưa hoàn thiện.

- Kết cấu hạ tầng đầu tư chưa đồng bộ. Một số dự án chậm triển khai như: Dự án khách sạn Nguyễn Kim Hậu Giang, Tổ hợp khách sạn 4 sao và chợ du lịch Xà No.

- Chưa thu hút nhiều nhà đầu tư chiến lược về các dự án dân cư đô thị.

- Du lịch Hậu Giang chưa phát triển tương xứng với tiềm năng; phát triển chưa bền vững, phụ thuộc nhiều vào các sự kiện lớn của tỉnh; sản phẩm du lịch chưa thật sự nổi bật, thiếu tính cạnh tranh, dịch vụ du lịch chưa đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của du khách; một số dự án trọng điểm triển khai chậm, không đảm bảo tiến độ ảnh hưởng đến phát triển của ngành.

**Nguyên nhân hạn chế**

***(1) Nguyên nhân khách quan:***

- Các CCN chưa có đất sạch, suất đầu tư cao, diện tích CCN nhỏ, dưới 75ha, do đó các doanh nghiệp chưa quan tâm đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Sản xuất nông nghiệp vừa mới phục hồi sau đại dịch COVID-19 cùng với tác động của việc giá nguyên liệu, vật tư nông nghiệp tăng cao tác động trực tiếp tới lợi nhuận người sản xuất. Ngoài ra, với đặc thù đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố thời tiết khí hậu, dịch bệnh, thị trường, đòi hỏi nguồn vốn lớn, tiềm ẩn nhiều rủi ro nên cũng là rào cản trong việc thu hút đầu tư.

- Hình thành các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ gặp khó khăn do chưa có nhiều doanh nghiệp có năng lực thực hiện liên kết với nông dân. Xu hướng chuyển dịch lao động nông nghiệp sang các ngành kinh tế khác dẫn tới khan hiếm lao động trong nông nghiệp, giá công lao động tăng cao cũng tác động lớn tới việc phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Các đô thị trên địa bàn tỉnh có xuất phát điểm thấp, kết cấu hạ tầng đô thị còn nhiều hạn chế, kinh tế đô thị chưa đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị. Sự liên kết, kết nối giữa các đô thị trong tỉnh chưa được đồng bộ; chưa kết nối giữa các địa phương trong tỉnh và giữa tỉnh với các tỉnh, thành trong vùng.

- Nguồn vốn đầu tư công còn hạn chế, nhất là nguồn lực đầu tư xây dựng mới, củng cố, nâng chất các tiêu chí của đô thị đã đạt còn nhiều hạn chế. Nguồn lực đầu tư từ các doanh nghiệp còn thấp.

- Vị trí địa lý của một số đô thị chưa thực sự thu hút đối với các nhà đầu tư. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư một số dự án còn chậm, kéo dài nhiều năm làm ảnh hưởng tiến độ triển khai dự án.

- Chưa thu hút được nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch, nhất là các nhà đầu tư chiến lược; hạ tầng giao thông chưa được đầu tư đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp so với yêu cầu phát triển; việc vận hành và khai thác sản phẩm tàu du lịch Xà No không đạt yêu cầu; đa số các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch có quy mô vừa và nhỏ, chưa chủ động trong việc tìm kiếm thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo ra các sản phẩm du lịch mới để thu hút du khách.

***(2) Nguyên nhân chủ quan:***

- Công tác phối hợp giữa các cấp, ngành, địa phương trong việc triển khai báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch còn chậm, chưa đồng bộ. Sự chủ động của các cấp ủy, chính quyền địa phương có lúc, có nơi còn chưa quan tâm, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo phát triển nông nghiệp, nông thôn nhất là cụ thể hóa các giải pháp thực hiện.

- Một bộ phận nông dân chậm thích nghi với việc chuyển nền sản xuất nông nghiệp truyền thống sang kinh tế nông nghiệp.

**IV. Phương hướng, nhiệm vụ đến năm 2025 và các năm tiếp theo**

Thực hiện hiệu quả Chương trình của Tỉnh ủy triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển các lĩnh vực kinh tế, trong đó ưu tiên cơ chế, chính sách phát triển bốn trụ cột: công nghiệp, nông nghiệp, đô thị, du lịch; khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Ban hành và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành đồng bộ các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân, nhất là cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã.

Công bố rộng rãi, đầy đủ và kịp thời thông tin về Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện và các loại quy hoạch, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực, danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh và Trang Thông tin điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND huyện, thị xã, thành phố.

Đẩy mạnh công tác kêu gọi, thu hút đầu tư, đặc biệt là đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp; nâng cao tỷ lệ lắp đầy các khu, cụm công nghiệp được hình thành trong thời gian tới. Ưu tiên nguồn lực thực hiện giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp; đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp hiện có. Với khẩu hiệu hành động của Tỉnh là “2 nhanh” và “3 tốt”, đó là “nhanh giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư”; 3 tốt là “Cơ hội tốt, chính sách tốt, hạ tầng tốt”.

Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; các Nghị quyết phiên họp thường kỳ của Chính phủ.

Tăng cường sự công khai, minh mạch trong giải quyết thủ tục cho nhà đầu tư, tăng cường công tác chỉ đạo của cơ quan nhà nước và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền về thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tập trung đầu tư công nghệ cao và giá trị gia tăng lớn, chú ý khai thác mối liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, từ đó giúp khối tư nhân trong tỉnh gia nhập hiệu quả chuỗi giá trị toàn cầu.

Hoàn thiện, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, sử dụng hiệu quả biên chế được giao.

Tiếp tục đơn giản hóa, giảm thủ tục hành chính, cải thiện chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp; cấp phép điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4. Tập trung đầu mối thực hiện các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và người dân. Nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ tại bộ phận “một cửa”, xây dựng chính quyền điện tử thân thiện với người dân và doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo báo cáo kết quả sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:  - Các đ/c Tỉnh ủy viên,  - Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,  - Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,  - Các sở, ban, ngành tỉnh,  - Các huyện, thị, thành ủy và tương đương,  - Lưu VPTU. | **T/M BAN THƯỜNG VỤ**  PHÓ BÍ THƯ  **Trần Văn Huyến** |

1. **[]** (1) Dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng KCN Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1:

   - Hạng mục Đường số 4 và một phần Đường số 8 - đợt 2: đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 49 hộ, số tiền 43,16 tỷ đồng (phê duyệt bổ sung), thu hồi đất diện tích 8,07 ha.

   - Hạng mục Đường số 1 và Đường số 6: đã hoàn thành phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 48 hộ với số tiền 25,46 tỷ đồng, thu hồi đất diện tích 3,83 ha.

   - Hạng mục Đường số 8: đã phê duyệt phương án bồi thường cho 62 hộ, số tiền 42,88 tỷ đồng, thu hồi đất diện tích 8,17 ha.

   (2) Dự án Giải phóng mặt bằng KCN Sông Hậu (phần diện tích còn lại khoảng 46 ha):đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 826 hộ, số tiền 535,49 tỷ đồng, diện tích thu hồi đất khoảng 42,16 ha.

   (3) Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng CCNTT Phú Hữu A - giai đoạn 3:đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 71 hộ, số tiền 21,53 tỷ đồng, diện tích thu hồi đất khoảng 03 ha.

   (4) Dự án Khu TĐC Đông Phú phục vụ KCN Sông Hậu: đã phê duyệt phương án bồi thường cho 86 hộ, số tiền 77,348 tỷ đồng, diện tích thu hồi đất 11,661 ha.

   (5) GPMB tạo quỹ đất sạch (phần diện tích còn lại khoảng 25 ha): đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 156 hộ, số tiền 150,23 tỷ đồng, diện tích thu hồi đất 19,66 ha.

   (6) GPMB KCN Tân Phú Thạnh khu 20 ha: đã phê duyệt 112 hộ, số tiền 114,18 tỷ đồng, diện tích thu hồi 18,07 ha. [↑](#footnote-ref-1)
2. **[]** Cụ thể: Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Xanh Hamaco, sản xuất xi măng các loại; Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu I, sản xuất điện; Công ty TNHH MTV Nhựa Sinh Học Hậu Giang… Các khu công nghiệp đã thu hút được 10 dự án với tổng vốn thu hút thêm khoảng 4.410 tỷ đồng, nâng tổng số dự án đã thu hút vào KCN, CCNTT là 78 dự án, có 56 dự án đi vào hoạt động, tổng vốn thu hút đầu tư trong nước là 78.607 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 3.827 triệu USD; vốn triển khai dự án của các nhà đầu tư khoảng 4.660 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-2)
3. **[]** + Năm 2023: Tổ chức 08 lớp tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã; 02 lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý điều hành HTX, THT; 08 lớp hướng dẫn HTX đăng ký chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP; tổng số học viên tham dự là 720 học viên với tổng kinh phí tực hiện là 471,8 triệu đồng. Tổ chức 84 lớp tuyên truyền nâng cao nhận thức cho thành viên khi tham gia THT, HTX, tổng số 2.600 học viên tham dự với tổng kinh phí thực hiện 604,2 triệu đồng.

   + Năm 2024: đã tổ chức được 67/110 lớp tuyên truyền kiến thức về kinh tế tập thể và Luật HTX năm 2023 với 2.010 học viên tham dự. [↑](#footnote-ref-3)
4. **[]** Trong đó: 25 Công ty chiếm 15,6%; 45 Hợp tác xã chiếm 28,1%; 90 cơ sở, hộ kinh doanh 56,3%. Đăng ký 11 sản phẩm dự thi sản phẩm OCOP 5 sao của Trung ương. Có 132 mã số vùng trồng đã được cấp mã số (bao gồm 119 mã số duy trì và 13 mã số cấp mới) và có 09 mã số đóng gói/08 cơ sở. [↑](#footnote-ref-4)
5. **[]** Quy hoạch chung đô thị Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040; Quy hoạch chung đô thị Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đến năm 2040. [↑](#footnote-ref-5)
6. **[]** Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. [↑](#footnote-ref-6)
7. **[]** Đồ án quy hoạch phân khu Khu Đông Bắc đô thị Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. [↑](#footnote-ref-7)
8. **[]** Công văn số 1898/SVHTTDL-QLDL ngày 21/12/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2022. [↑](#footnote-ref-8)
9. **[]** Công văn số 108/HGI-TTGSNH ngày 22/5/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hậu Giang về việc cấp tính dụng hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. [↑](#footnote-ref-9)
10. **[]** Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 12/11/2021 về việc triển khai Chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành ĐBSCL giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 29/4/2022triển khai Chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành ĐBSCL năm 2022; Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 27/4/2023 về việc triển khai Chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành ĐBSCL năm 2023,.. [↑](#footnote-ref-10)
11. **[]** Tuần Văn hóa - Du lịch tỉnh Vĩnh Long; Hội chợ Du lịch quốc tế ITE-HCMC; Tuần Văn hóa - Du lịch Long An; khảo sát, đánh giá điểm đến, đề xuất phát triển các chương trình du lịch liên kết Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành ĐBSCL; tham gia ngày Hội chuyển đổi số trong du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành ĐBSCL năm 2023 tại thành phố Cần Thơ; tham gia Hội nghị Tổng kết năm 2023 và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình liên kết hợp tác năm 2024,... [↑](#footnote-ref-11)
12. **[]** Lễ hội Ok-Om-Bok tại Sóc Trăng, Ngày hội Văn hóa - Du lịch Bạc Liêu, Lễ hội Dạ cổ Hoài Lang,… [↑](#footnote-ref-12)
13. **[]** Tổ chức khảo sát, liên kết tuyến sông Cần Thơ và kênh xáng Xà No để hình thành tour, tuyến du lịch sông nước; Tọa đàm,.. [↑](#footnote-ref-13)
14. **[]** Tham gia Diễn đàn liên kết phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành ĐBSCL lần thứ 3 năm 2024 tại tỉnh Bến Tre; Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh; triển khai Chương trình bình chọn điểm đến du lịch hấp dẫn Thành phố Hồ Chí Minh và 13 tỉnh, thành ĐBSCL năm 2024; cung cấp danh sách và thông tin các điểm đến đẹp, đặc sắc tại Hậu Giang để tích hợp vào Ứng dụng Map 3D/360 Thành phố Hồ Chí Minh,... [↑](#footnote-ref-14)
15. **[]** Cử nhân sự tham gia Chương trình Tọa đàm; viết và đăng trên cổng thông tin điện tử Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ thông tin, giới thiệu quảng bá về các hoạt động tại tỉnh Kiên Giang; tham gia sự kiện do tỉnh Kiên Giang tổ chức. [↑](#footnote-ref-15)